TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị Liểm và anh Nhản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Phương Lan.
2. Ông Vũ Văn Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnChâu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà: Không tham gia.*

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chế Thị Vùa L,** sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1982. (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện C, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Chế Thị Vùa L trình bày:

Vào năm 2005 chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh N tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã, huyện C. Trong quá trình chung sống chị và anh N có một người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25/8/2011. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị xác nhận thời gian đầu vợ chồng chị và anh N chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh N đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh Nguyễn Văn N.

Về việc nuôi con chung: Chị thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc P cho anh N nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 06 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 2005 anh N và chị Chế Thị Vùa L tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh chị tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện C. Trong quá trình chung sống anh chị có một người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25/8/2011, hiện tại anh N đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, hơn nữa chị L có quan hệ với người đàn ông khác, thường hay nhắn tin với người ta và bị mẹ anh bắt gặp, mẹ anh có la chị L, sau đó chị L bỏ đi anh không hay biết, anh có liên lạc bằng điện thoại động viên chị L về nhà nhưng chị L không đồng ý. Anh N có đi tìm chị L nhiều lần nhưng không gặp. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Chế Thị Vùa L vì còn thương vợ con.

Về việc nuôi con chung: Anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phước và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn N được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 01 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang, căn cứ theo giấy trích lục kết hôn số 191, ngày 25/02/2019. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị L và anh Nđã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L xác nhận chị L và anh N sống với nhau từ năm 2005 và đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn như trên là đúng, ngoài ra anh cũng xác nhận thêm nguyên nhân mẫu thuẫn là do chị L có quan hệ với người đàn ông khác, thường hay nhắn tin với người ta và bị mẹ anh bắt gặp, mẹ anh có la chị L, sau đó chị L bỏ đi anh không hay biết, anh có liên lạc bằng điện thoại động viên chị L về nhà nhưng chị L không đồng ý, do đó anh chị cũng đã ly thân được hơn

03 năm nay. Sự việc trên chị L xác nhận là không đúng và anh N cũng không có chứng cứ chứng minh chị L có quan hệ bên ngoài với người đàn ông khác, từ đó dẫn đến việc anh chị ly thân cho đến nay, do đó thể hiện tình cảm giữa anh chị ngày càng mâu thuẫn. Qua đó Hội đồng xét xư nhận định tình trạng hôn nhân của chị Lvà anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có một người con chung tên Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 25/8/2011, hiện cháu P đang sống cùng anh N, chị L thống nhất giao cháu P cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và anh N cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu trên của chị L và anh N cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P (theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 12/6/2019). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu P cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lkhông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung và anh N cũng không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử chị Lvà anh N xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên chị phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàokhoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Chế Thị Vùa L và anh Nguyễn Văn N .

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc P , sinh ngày 25/8/2011 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P . Chị Chế Thị Vùa L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Chế Thị Vùa L và anh Nguyễn Văn N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Chế Thị Vùa L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số0009541 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang, như vậy chị L không phải nộp thêm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- UBND xã T ;
- Lưu: hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đoàn Văn Thậm